TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11- ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 10/4/2026
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11- ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hưng.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Phát và ông Huỳnh Khắc Hiếu.
Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Dung
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Thẩm Anh Trúc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10/4/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11- Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 108/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2025 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2026/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2026/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Phương T, sinh năm 1987; Địa chỉ: khu phố N, phường T, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt và xin xét xử vắng mặt
- Bị đơn: Ông Nguyễn Trung K, sinh năm 1983; Địa chỉ: khu phố N, phường T, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đặng Phương T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông K tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 169 ngày 17/11/2009. Sau khi kết hôn, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống dẫn tới thường xuyên cãi vả. Hai vợ chồng đã cố gắng tự hòa giải và được cả hai bên gia đình khuyên giải nhưng không thành. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên bà T yêu cầu ly hôn với ông K.
- Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Đặng Nguyên K1, sinh ngày 09/01/2013 và Nguyễn Đặng Thảo N, sinh

ngày 28/5/2010. Hiện nay cháu K1 đang sống với bà T, cháu N đang sống với ông K. Ly hôn, bà T yêu cầu giao cháu K1 cho bà T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; giao cháu N cho ông K trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục

-Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung: hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Nguyễn Trung K vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật; Phát biểu ý kiến về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T cụ thể: Về quan hệ hôn nhân: bà T được ly hôn với ông K; Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Đặng Nguyên K1, sinh ngày 09/1/2013 và Nguyễn Đặng Thảo N, sinh ngày 28/5/2010. Giao cháu K1 cho bà T và cháu N cho ông K trực tiếp nuôi dưỡng, các bên không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Đặng Phương T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Trung K đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông K tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 169 ngày 17/11/2009. Sau khi kết hôn, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống dẫn tới thường xuyên cãi vả. Hai vợ chồng đã cố gắng tự hòa giải và được cả hai bên gia đình khuyên giải nhưng không thành. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ cho ông K để lấy lời khai và hòa giải nhưng ông K không đến Tòa cũng như tại phiên tòa hôm nay ông K vẫn không có mặt. Như vậy cho thấy ông K không có thiện chí hòa giải khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ. Xét mâu thuẫn giữa bà T và ông K đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông K.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà T và ông K có 02 con chung tên là Nguyễn Đặng Nguyên K1, sinh ngày 09/01/2013 và Nguyễn Đặng Thảo N, sinh ngày 28/5/2010. Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo bà T trình bày, hiện nay cháu K1 đang sống với mẹ là bà T, cháu N đang sống với cha là ông K. Tại đơn nguyện vọng cháu K1 xin tự nguyện sống với mẹ, cháu N xin tự nguyện sống với cha. Do đó, để không làm xáo trộn cuộc sống của con chung nên cần tiếp tục giao cháu K1 cho bà T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; giao cháu N cho ông K trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ những căn cứ nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Phương T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Phương T được ly hôn với ông Nguyễn Trung K.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Đặng Nguyên K1, sinh ngày 09/01/2013 cho bà Đặng Phương T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; giao cháu Nguyễn Đặng Thảo N, sinh ngày 28/5/2010 cho ông Nguyễn Trung K trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục

3. Về cấp dưỡng nuôi con: không xem xét, giải quyết.

Người không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp cần thiết, các bên đương sự có quyền được yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

4. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Đặng Phương T phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001395 ngày 03/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Hưng

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 11- Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- UBND phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk;
(Số 169 ngày 17/11/2009)
- Lưu hồ sơ, án văn.